

Số: 1192 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 672/TTr-TNMT ngày 27/10/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty CP Bến Thủy, địa chỉ trụ sở chính: Xóm Bến, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm” tại Xứ Đồng Cửa, thôn Bến, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty CP Bến Thủy.

1.3. Địa điểm hoạt động: Xứ Đồng Cửa, thôn Bến, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 2400485320, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu 09/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/12/2021.

Quyết định chủ trương đầu tư số 781/QĐ-UBND do UBND tỉnh Bắc Giang cấp ngày 25/12/2015.

1.5. Mã số thuế: 2400485320.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại xứ Đồng Cửa, thôn Bến, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích đất sử dụng là 28.985,3 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện đúc sẵn bằng bê tông với quy mô:

++ Bê tông thương phẩm: 15.000 tấn/năm

++ Cấu kiện đúc sẵn bằng bê tông: 50.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP Bến Thủy được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty CP Bến Thủy có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty CP Bến Thủy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm” tại xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do Công ty cổ phần Bến Thủy làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm” có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm” tại Xứ Đồng Cửa, thôn Bến, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty CP Bến Thủy được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 942/QĐ-TNMT ngày 25/9/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty CP Bến Thủy được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Yên Dũng, UBND xã Đông Việt; Công ty CP Bến Thủy và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty CP Bến Thủy (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN<sub>Việt Anh</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải: có 03 nguồn

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên và người lao động làm việc tại cơ sở.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất từ hoạt động xúc, rửa bồn xe chở bê tông được xử lý bằng hệ thống các bể lắng cặn, nước thải sau khi xử lý được sử dụng tuần hoàn cho rửa xe bồn, không xả ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 3: Nước thải sản xuất từ hoạt động xúc, rửa hệ thống cối trộn được xử lý bằng bể lắng 2 ngăn, nước thải sau khi xử lý được sử dụng để dập bụi xung quanh trạm trộn, không xả ra ngoài môi trường.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm) được xả ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Thương đoạn chảy qua địa bàn thôn Bền, xã Đông Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m<sup>3</sup>/ngày đêm xả thải ra sông Thương.

- Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>): X=2427541; Y = 416569.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương khoảng 0,208 m<sup>3</sup>/giờ (tính theo 24 giờ).

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m<sup>3</sup>/ngày được chảy theo đường ống PVC D200 với chiều dài khoảng 11m sau đó chảy ra sông Thương (đoạn chảy qua thôn Bền, xã Đông Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang) qua cống tràn kích thước B400 theo phương thức tự chảy.

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30	
3	Tổng các chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng các chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1.0	
6	Amoni ( tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> -) (tính theo N)	mg/l	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) ( tính theo P)	mg/l	6	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 5 ngăn có thể tích 30m<sup>3</sup> được thu gom bằng ống PVC D90, cùng nước thải nhà bếp được xử lý bằng 01 bể tách dầu mỡ thể tích 1,0m<sup>3</sup> được thu gom bằng đường ống PVC D200 với chiều dài khoảng 45m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ hoạt động rửa bồn xe chở bê tông: Xe bồn chở bê tông được xúc rửa ngay tại khu vực hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau đó sẽ đi qua hệ thống các bể lắng để lắng cặn (tổng thể tích: 56,96 m<sup>3</sup>). Nước thải sau đó được tuần hoàn sử dụng cho rửa xe bồn, không thải ra ngoài môi trường.

+ Nước thải từ hoạt động xúc rửa hệ thống cối trộn bê tông được xả xuống bể lắng 02 ngăn (kích thước: 8,75m x 6,5m x 1,5m) ngay dưới trạm trộn. Nước sau khi lắng cặn được tận dụng để đập bụi xung quanh trạm trộn, không thải ra ngoài môi trường.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### \* Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ) → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học AO

- Công suất thiết kế: 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Methanol bổ sung vào bể thiếu khí: 8 kg/ngày.

+ Hóa chất bicacbonat (NaHCO<sub>3</sub>) bổ sung vào bể hiếu khí: 1 kg/ngày.

+ Viên nén Clo bổ sung bể khử trùng: 1,2 kg/tháng

### \* Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải từ quá trình xúc, rửa bồn xe chở bê tông: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → tuần hoàn rửa xe bồn.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải từ quá trình xúc, rửa hệ thống cối trộn bê tông: Nước thải → Bể lắng 2 ngăn → Tuần hoàn đập bụi xung quanh trạm trộn.

- Công nghệ xử lý nước thải: Lắng trọng lực.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

#### \* Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh. Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh, hoá chất khử trùng.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn

thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

*\* Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất:*

Do hệ thống xử lý nước thải sản xuất nằm ngoài trời nên khi trời mưa, nước mưa sẽ chảy vào các bể của hệ thống xử lý nước thải sản xuất gây nên tình trạng lượng nước tại các bể dâng cao có thể tràn thành bể. Trước khi trời mưa lớn chủ cơ sở thực hiện bơm nước trong bể chứa tận dụng cho sản xuất, trộn bê tông. Nạo vét bùn cặn định kỳ làm giảm thiểu cặn lơ lửng cuốn ra ngoài môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

*\* Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất của hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

+ Phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để sửa chữa và đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc thì phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, đồng thời thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

- Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép (QCCP):

+ Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau.

+ Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, cần liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

*\* Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất:*

Chủ cơ sở sẽ sử dụng máy bơm để bơm lượng nước trong tại bể sau khi lắng cặn tuần hoàn sử dụng lại cho việc sản xuất bê tông thương phẩm; định kỳ tiến hành vớt cặn lắng để tăng hiệu quả chứa, xử lý nước thải. Trong trường hợp cần thiết có thể dừng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.



2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD <sub>5</sub> , Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S), Amoni (Tính theo N), Nitrat (Tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ), Tổng Coliforms	Thực hiện lấy 01 lần, thời gian dự kiến như sau: Ngày 27/02/2024	(QCVN 14:2008/BTN MT, cột A)
2	Nước thải đầu ra sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải		Tần suất quan trắc nước thải là 01 ngày/lần, thực hiện lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: Lần 1: Ngày 27/02/2024 Lần 2: Ngày 28/02/2024 Lần 3: Ngày 29/02/2024	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào Sông Thương. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

#### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Đối với bụi từ trạm trộn bê tông của cơ sở được thu gom bằng hệ thống lọc bụi túi vải tích hợp tại các đỉnh silo để giữ lại bụi, hệ thống không có quạt hút và ống thoát khí do đó không có dòng khí thải phát sinh sau hệ thống lọc bụi túi vải thoát ra ngoài môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Đối với bụi phát sinh từ trạm trộn bê tông: Trên đỉnh các silo của các trạm trộn bê tông (01 trạm công suất: 100 m<sup>3</sup>/giờ, 01 trạm công suất: 150 m<sup>3</sup>/giờ) được bố trí tích hợp bộ phận lọc bụi túi vải, bụi phát sinh từ các silo sẽ được giữ lại tại các túi vải và không phát tán ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hệ thống xử lý bụi từ trạm trộn bê tông (02 hệ thống): Bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải → Bụi được giữ lại tại thiết bị lọc bụi, không thải ra môi trường

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường.

- Thực hiện thay thế, bổ sung, vệ sinh định kỳ các thiết bị lọc, xử lý bụi, khí thải của từng hệ thống xử lý khí thải.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng (như: quạt hút, đường ống), đồng thời trang bị máy phát điện dự phòng khi có sự cố mất điện không vận hành được hệ thống xử lý khí thải.

- Cán bộ quản lý, vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì phải tạm dừng sản xuất để

sửa chữa và khắc phục, khi nào khắc phục, sửa chữa xong mới được tiếp tục hoạt động trở lại.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

#### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy để xử lý;

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục;

- Sơ tán công nhân ra khỏi khu vực sản xuất;

- Nhân viên kỹ thuật mặc đồ bảo hộ lao động tiến hành kiểm tra, phát hiện ra nguyên nhân dẫn đến sự cố để khắc phục. Nếu sự cố mang tính phức tạp cần liên hệ với bên lắp đặt chịu trách nhiệm về hệ thống để tìm ra biện pháp khắc phục nhanh chóng.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Có 02 nguồn

+ Nguồn số 1: Từ khu vực trạm trộn bê tông

+ Nguồn số 2: Từ khu vực xưởng cơ khí

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>).

+ Vị trí 1: Khu vực trạm trộn bê tông: X = 2427465; Y = 416300

+ Vị trí 2: Khu vực xưởng cơ khí: X = 2427576; Y = 416324

**3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành** (QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:

- Đối với tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

- Đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s <sup>2</sup>	1,4m/s <sup>2</sup>	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thiết kế các bộ phận giảm âm cho các loại máy có độ ồn lớn (như: máy đầm,...) Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

- Bôi trơn các chi tiết hoạt động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra. Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung

(tần suất 4 - 6 tháng/lần).

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ), đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao. Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 486 kg/năm, gồm:

<b>TT</b>	<b>Chất thải nguy hại</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại (dính dầu mỡ và hóa chất)	Rắn	46	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	34	19 06 01
4	Bao bì mềm thải	Rắn	17	18 01 01
5	Dầu Diesel thải	Lỏng	27	17 06 01
6	Dầu bôi trơn tổng hợp thải (từ quá trình bôi trơn máy móc)	Lỏng	12	17 02 03
7	Bao bì cứng bằng nhựa có dính thành phần nguy hại (can nhựa)	Rắn	185	18 01 03
8	Bao bì cứng bằng kim loại có dính thành phần nguy hại	Rắn	160	18 01 02
	<b>Tổng số lượng</b>		<b>486</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Đầu mẫu thép: Phát sinh không nhiều do quá trình sử dụng đều được cắt theo kích thước đã tính toán lượng phát sinh ước tính khoảng 100kg/năm.

- Bê tông thừa không phát sinh thường xuyên, nếu có bê tông dư thừa công trình này được chuyển qua công trình khác hoặc phục vụ cho sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất: 1,5m<sup>3</sup>/ tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 6,9 kg/ngày tương đương 207 kg/tháng với thành phần chủ yếu là vỏ hoa quả, bánh kẹo, túi nilon, thức ăn thừa, bã chè...

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 6 thùng phi chứa chất thải có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng, có dán nhãn, mã số để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

+ Diện tích: 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 8m<sup>2</sup>

+ Kết cấu, cấu tạo của kho: Kho chứa là nhà 1 tầng, nền bê tông, mái lợp tôn và tường bao quanh, có lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chất thải nguy hại.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất dự kiến 06 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng phi có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng để lưu giữ chất thải.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích: 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất diện tích 8m<sup>2</sup>.

- Kết cấu, cấu tạo kho chứa: Kho chứa là nhà 1 tầng, nền bê tông, mái lợp tôn và tường bao quanh, có lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo theo quy định về quản lý chất thải.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất dự kiến 06 tháng/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 25 lít/thùng tại khu vực nhà văn phòng, khu vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn... để thu gom, phân loại chất thải phát sinh.

2.3.2. Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải từ các thùng chứa tại khu vực phát sinh được thu gom vào túi nilong hàng ngày để chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất dự kiến 01 ngày/lần).

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ

thống xử lý nước thải, bụi và khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, bụi và khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Công ty CP Bến Thủy có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 672/TTr-TNMT ngày 27/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.